

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/DS-ST.

Ngày: 26-7-2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Chí Hữu.

+ Ông Hồ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2023/QĐST-DS ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1971, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn B - Sinh năm: 1962; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Võ Văn D - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà Bạch Thị K - Sinh năm: 1954; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18 tháng 6 năm 2022, bà P có cho ông D, bà K (mẹ ông D) vay 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng, lãi suất là 3%/tháng, việc vay tiền có làm một tờ giấy mượn tiền cùng ngày, có chữ ký của ông D. Ông D, bà K có trả tiền lãi được một tháng với số tiền lãi là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng); việc trả tiền lãi không có làm giấy tờ. Hai bên có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022, không có công chứng, chứng thực, không có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật và ông D có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Võ Văn C, bà Bạch Thị K nhưng thực chất đây là hợp đồng vay tài sản.

Do ông D, bà K chưa trả được khoản tiền gốc nào nên bà P yêu cầu ông D, bà K phải trả số tiền gốc là 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án; đồng thời bà P đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 819664, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02609 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/6/2013 cho hộ ông Võ Văn C, bà Bạch Thị K đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn là ông Võ Văn D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Bạch Thị K trình bày: Bà không có vay của bà P số tiền là 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng), bà không biết bà P là ai, riêng ông D (con ruột của bà) có vay tiền của bà P hay không thì bà không biết. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Sau khi xem chữ ký, ghi họ tên Bạch Thị K tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022 do nguyên đơn cung cấp thì bà K thừa nhận đó là chữ ký, chữ viết của bà nhưng bà K cho rằng: Việc bà ký tên là để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất lại cho bà vì ông C đã chết chứ bà không biết đó là hợp đồng thế chấp để ông D vay tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà K, nguyên đơn không yêu cầu bà K phải có nghĩa vụ liên đới với ông D trả số nợ gốc là 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày 19/8/2022. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông D trả nợ gốc là 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày 18/6/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) vào tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn; nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM

819664, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02609 cho bị đơn và hủy bỏ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022.

Bị đơn là bà Bạch Thị K giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ông Võ Văn D vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà P có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bị đơn là ông D, bà K có địa chỉ tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông D được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải; đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với bà K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện đối với bà K.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Bà P cho rằng có cho ông D vay 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) với mức lãi suất 3%/tháng vào ngày 18/6/2022, cho đến nay ông D vẫn chưa trả được khoản nợ gốc nào cho bà P; ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án, cũng như phản đối đối với lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà P; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả cho bà P khoản nợ gốc nào trong khi đó lời trình bày của bà P là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Giấy mượn tiền ngày 18/6/2022 nên có cơ sở để xác định ông D có vay của bà P 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) với mức lãi suất là 3%/tháng và chưa trả được khoản nợ gốc cho bà P.

[4.2] Về tiền lãi: Mức lãi suất 3%/tháng mà các bên thỏa thuận và được ghi nhận tại Giấy mượn tiền ngày 18/6/2022 là vượt quá lãi suất giới hạn được phép thỏa thuận tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm) nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực; tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà P chỉ yêu cầu ông D phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 18/6/2022 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp

nhận. Phần tiền lãi được tính như sau: $500.000.000\text{VNĐ} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng}$ 08 ngày = $99.500.000\text{VNĐ}$ (chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi, nhưng được trừ vào số tiền lãi mà bà P đã nhận là $15.000.000\text{VNĐ}$ (mười lăm triệu đồng), như vậy ông D còn phải trả $84.500.000\text{VNĐ}$ (tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng tiền lãi).

[4.3] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022, không có công chứng, chứng thực, không đăng ký thế chấp là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện, đơn rút đơn khởi kiện bà P cho rằng tuy ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nhưng thực chất đó là hợp đồng vay tài sản nên bà P đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022, đây là sự tự nguyện của bà P, đồng thời để đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện cần buộc bà P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K, ông D và hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $20.000.000\text{VNĐ} + 4\%$ của số tiền $184.500.000\text{VNĐ} = 27.380.000\text{VNĐ}$ (hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 217, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà Bạch Thị K phải có nghĩa vụ liên đới với ông Võ Văn D trả số nợ gốc là $500.000.000\text{VNĐ}$ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là $1,5\%/\text{tháng}$ kể từ ngày 19/8/2022.

2/ Buộc ông Võ Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số nợ gốc là $500.000.000\text{VNĐ}$ (năm trăm triệu đồng) và $84.500.000\text{VNĐ}$ (tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi.

3/ Kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả lại cho bà Bạch Thị K, ông Võ Văn D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 819664, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02609 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/6/2013 cho hộ ông Võ Văn C, bà Bạch Thị K đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5/ Hủy bỏ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2022 giữa bà Nguyễn Thị P với ông Võ Văn D, bà Bạch Thị K.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1) Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 12.500.000VNĐ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005147 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

6.2) Buộc ông Võ Văn D có nghĩa vụ nộp 27.380.000VNĐ (hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà P, bà K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên